

VIỆT NAM

	Ngày đáo hạn	Số ngày tới hạn	KLGD	Vị thế mở (OI)	Giá tham chiếu	Giá mở cửa	Giá cao nhất	Giá thấp nhất	Giá đóng cửa	Chênh lệch với cơ sở
VN30					887.8	886.7	891.8	885.6	885.7	
VN30F1904	4/18/2019	1	61,812	18,722	885.4	885.0	886.5	882.1	883.0	-2.7
VN30F1905	5/16/2019	29	12,760	8,172	878.0	876.1	877.9	871.1	871.1	-14.6
VN30F1906	6/20/2019	64	58	305	873.0	873.5	875.5	869.0	869.0	-16.7
VN30F1909	9/19/2019	155	19	184	873.6	878.1	878.1	870.2	870.2	-15.5

SỰ KIỆN SẮP TỚI

- 19/04/2019 Hợp ĐHCĐ CTCP Sữa Việt Nam
- 23/04/2019 Hợp ĐHCĐ Ngân hàng Công thương Việt Nam
- 23/04/2019 Hợp ĐHCĐ Ngân hàng TMCP Á Châu
- 23/04/2019 Hợp ĐHCĐ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- 24/04/2019 Hợp chính sách tiền tệ của Ngân hàng Trung ương Nhật
- 26/04/2019 Hợp ĐHCĐ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam
- 30/04/2019 Hợp Ủy ban Thị trường Mở Liên bang Mỹ (FOMO)

NHẬN ĐỊNH

Chỉ số VN30 hồi phục nhẹ trong phiên giao dịch buổi sáng và bất ngờ quay đầu giảm trong phiên giao dịch buổi chiều khi mà các cổ phiếu như VIC, VHM, VRE, SSI và VNM bắt đầu suy yếu. Hợp đồng tương lai VN30F1904 theo đó tiếp tục điều chỉnh, theo sát diễn biến chỉ số cơ sở.

Nhìn bức tranh lớn của các cổ phiếu trong danh mục VN30, chúng tôi thấy VCB, GAS và FPT là động lực tăng giá của chỉ số. Ngược lại VHM, VIC, VRE đang mất dần tính chủ động và có thể tiếp tục gây sức ép. Các cổ phiếu VNM, MSN, HPG, SAB, MBB và MWG dao động theo phương ngang, giá có thể biến động trong biên độ hẹp không có xu hướng. Nhóm các cổ phiếu TCB, VPB, VJC ngày một suy yếu và gây áp lực kéo xuống.

Chỉ số VN30 theo đó nhiều khả năng tiếp tục bức tranh dao động trong biên độ +/-50 điểm quanh mức 900. Ở góc nhìn lớn thì càng xuống gần cận dưới của biên độ nói trên, tỷ lệ phần thưởng so với rủi ro dành cho vị thế mua càng hấp dẫn.

Trong ngắn hạn, các cổ phiếu VIC, VHM, VRE đang bộc lộ trạng thái suy yếu rõ rệt, trong đó người bán chủ động tìm cơ hội thoát khỏi cổ phiếu. HPG, TCB, SSI, VNM và CTG có thể là những cổ phiếu tiếp theo gây áp lực giảm lên chỉ số VN30. Ở chiều hướng khác, GAS, FPT và VCB là những cổ phiếu duy trì được sự ổn định trong bối cảnh thị trường chung trầm lắng. Tương quan này cho thấy số cổ phiếu yếu đang áp đảo, hàm ý rằng áp lực giảm lên VN30 vẫn lớn hơn. Do vậy, vị thế bán trên các hợp đồng tương lai vẫn nên tiếp tục nắm giữ.

GIÁ, KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH VÀ VỊ THẾ MỜ CỦA CÁC HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

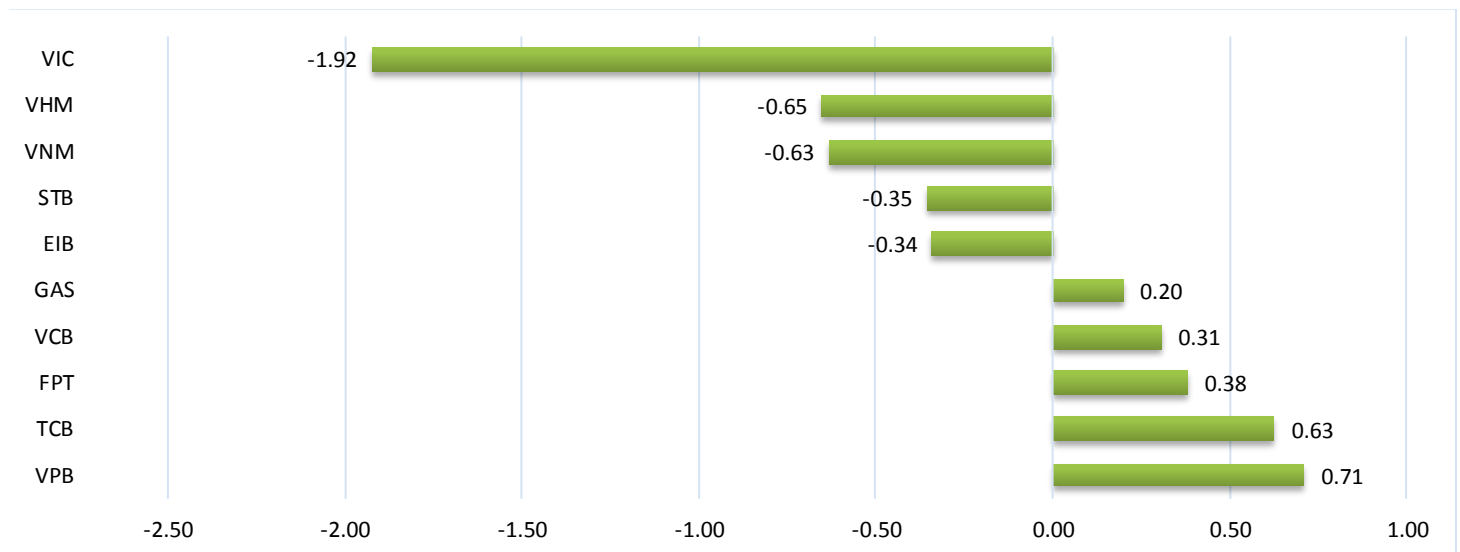
Ngày	VN30F1904	KLGD	Vị thế mờ (OI)
4/17/2019	883.0	61,812	18,722
4/16/2019	885.4	70,041	21,218
4/12/2019	885.0	60,016	23,260
4/11/2019	883.1	84,577	27,800
4/10/2019	885.2	100,449	25,141
4/9/2019	887.0	102,480	27,534
4/8/2019	894.8	71,697	26,168
4/5/2019	888.0	60,717	28,221
4/4/2019	888.0	96,497	27,575
4/3/2019	888.0	89,475	27,630

Ngày	VN30F1905	KLGD	Vị thế mờ (OI)
4/17/2019	871.1	12,760	8,172
4/16/2019	878.0	6,477	4,636
4/12/2019	876.6	924	1,679
4/11/2019	876.3	996	1,205
4/10/2019	878.0	1,017	888
4/9/2019	882.2	1,311	747
4/8/2019	887.0	852	703
4/5/2019	884.1	357	401
4/4/2019	883.0	424	356
4/3/2019	884.7	444	350

Ngày	VN30F1906	KLGD	Vị thế mờ (OI)
4/17/2019	869.0	58	305
4/16/2019	873.0	30	297
4/12/2019	875.9	11	300
4/11/2019	875.0	28	298
4/10/2019	875.8	34	280
4/9/2019	880.2	75	290
4/8/2019	887.2	30	280
4/5/2019	884.4	7	279
4/4/2019	884.1	24	280
4/3/2019	883.9	40	283

Ngày	VN30F1909	KLGD	Vị thế mờ (OI)
4/17/2019	870.2	19	184
4/16/2019	873.6	20	182
4/12/2019	875.8	17	177
4/11/2019	875.7	34	171
4/10/2019	876.8	16	174
4/9/2019	881.0	42	168
4/8/2019	887.1	27	170
4/5/2019	885.0	21	175
4/4/2019	885.1	17	172
4/3/2019	883.7	21	177

CÁC CỔ PHIẾU TÁC ĐỘNG LỚN LÊN CHỈ SỐ VN30



QUỐC TẾ

CÁC THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

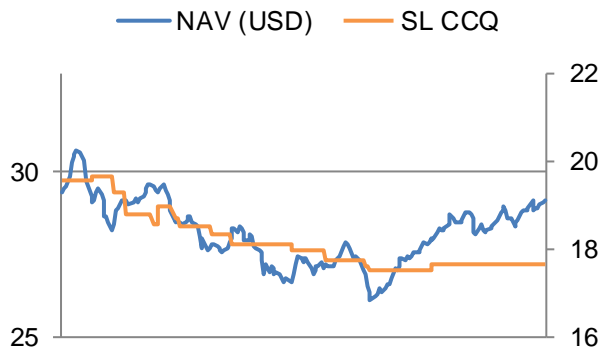
Thị trường	Chỉ số cơ sở	Giá cơ sở	Giá hợp đồng tương lai	Chênh lệch so với cơ sở	Cập nhật (giờ Hà Nội)	% Thay đổi so với phiên trước	% Thay đổi từ đầu tuần	% Thay đổi từ đầu năm
Australia	S&P/ASX 200	6,256.4	6,243.0	-13.4	5:02:44 PM	0.06	0.11	12.26
Japan	Nikkei 225	22,278.0	22,310.0	32.0	4:50:52 PM	0.18	2.06	11.55
Korea	KOSPI 200	290.3	291.6	1.3	4:53:08 PM	0.02	0.74	11.30
China	CSI 300	4,087.2	4,086.0	-1.2	2:00:00 PM	0.19	2.35	36.04
Hongkong	Hang Seng	30,124.7	30,147.0	22.3	4:59:16 PM	-0.04	0.66	16.60
Malaysia	KLCI	1,620.9	1,622.0	1.1	4:30:00 PM	-0.49	-0.70	-4.17
Thailand	Set 50	1,112.5	1,108.5	-4.0	4:55:06 PM	0.77	0.77	6.28
Singapore	Straits Times	3,348.6	3,341.0	-7.6	4/17/2019	0.48	0.60	8.79
India	Nifty 50	11,787.2	11,824.5	37.3	4/16/2019	0.82	1.03	8.31
South Africa	FTSE/JSE Top 40	52,461.4	53,064.0	602.6	4:59:02 PM	-0.35	0.61	12.76
Italy	FTSE/MIB	21,989.1	21,455.0	-534.1	4:59:26 PM	0.31	0.66	17.85
France	CAC 40	5,539.2	5,539.5	0.3	4:59:28 PM	0.19	0.77	17.15
German	DAX 30	12,116.1	12,139.5	23.4	4:59:28 PM	0.02	0.95	14.94
UK	FTSE 100	7,467.0	7,407.5	-59.5	5:04:18 PM	-0.09	0.51	11.24
Brazil	Ibovespa	94,333.3	94,239.0	-94.3	4/16/2019	1.18	1.42	6.46
Canada	S&P/TSE Composite	16,502.2	16,465.0	-37.2	4/16/2019	-0.09	0.12	15.22
Mexico	Mexican IPC	45,009.4	45,015.0	5.6	4/16/2019	0.66	0.61	7.75
US	Dow Jones	26,452.7	26,475.0	22.3	5:04:19 PM	0.11	0.25	13.78

Nguồn: Bloomberg 4/17/2019

CÁC QUỸ ĐẦU TƯ CHỈ SỐ (ETFs)

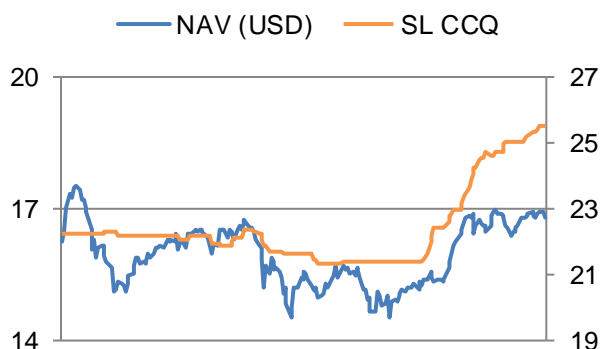
ISHARES MSCI Frontier 100 (FM)

	Đóng cửa	Thay đổi
Tổng tài sản (Triệu USD)	513.963	
Số lượng chứng chỉ quỹ	17,650,000	0
Giá trị tài sản ròng, NAV (USD)	29.120	0.03%
Cập nhật	4/16/2019	



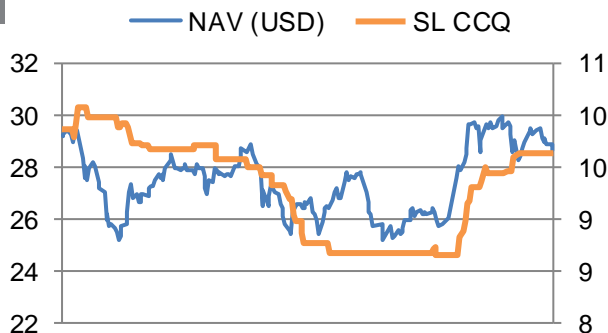
VanEck Vectors Vietnam ETF (VNM)

	Đóng cửa	Thay đổi
Tổng tài sản (Triệu USD)	428.02	
SL CCQ	25,500,000	0
NAV (USD)	16.785	-0.87%
Cập nhật	4/16/2019	



Xtrackers FTSE Vietnam UCITS ETF (XFVT)

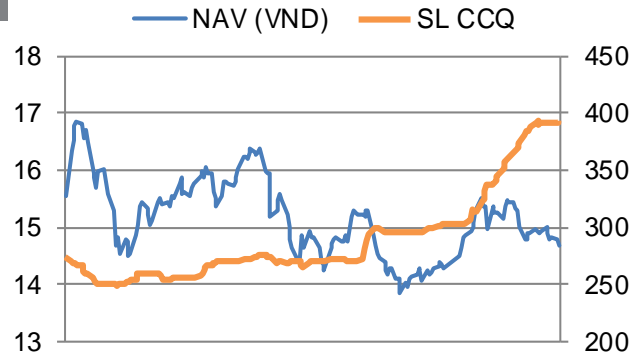
	Đóng cửa	Thay đổi
Tổng tài sản (Triệu USD)	311.68	
SL CCQ	9,621,000	0
NAV (USD)	28.670	-0.77%
Cập nhật	4/16/2019	



CÁC QUỸ ĐẦU TƯ CHỈ SỐ (ETFs)

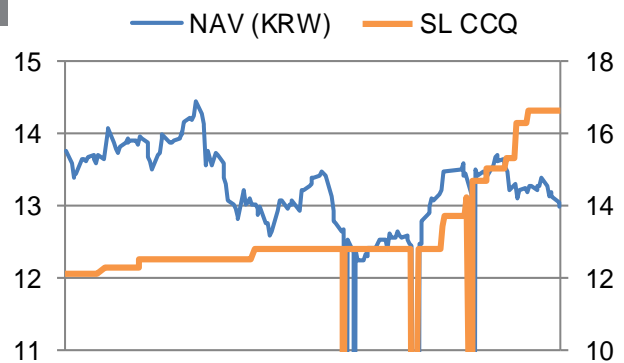
VFMVN30 ETF Fund (E1VFN30)

	Đóng cửa	Thay đổi
Tổng tài sản (Tỷ VNĐ)	5,765	
SL CCQ	392,400,000	200,000
NAV (VNĐ)	14,692	-0.56%
Cập nhật	4/16/2019	



KIM KINDEX VIETNAM VN30 ETF

	Đóng cửa	Thay đổi
Tổng tài sản (Tỷ Won)	215.70	
SL CCQ	16,600,000	0
NAV (Won)	12,994	-0.56%
Cập nhật	4/16/2019	



Nguồn: Bloomberg

DANH MỤC CHỈ SỐ VN30

STT	CP	Ngành	Tỷ trọng (%)	Vốn hóa (Tỷ VNĐ)	Giá đóng cửa (Nghìn VNĐ)	Tăng/giảm (%)	GTGD (Tỷ đồng)	Room còn lại cho NĐTNN (%)	P/E	P/B
1	CI	Xây dựng và Vật liệu	0.7	5,932.7	24.0	-0.2	5.4	16.1	65.1	1.2
2	CTD	Xây dựng và Vật liệu	0.8	9,287.7	121.6	-1.9	29.3	2.3	20.9	1.2
3	CTG	Ngân hàng	1.3	79,867.0	21.5	-0.5	46.6	0.0	14.8	1.2
4	DHG	Y tế	0.6	14,892.0	113.9	0.0	0.5	56.5	25.6	4.8
5	DPM	Hóa chất	0.4	7,063.6	18.1	-0.3	2.5	26.2	10.8	0.9
6	EIB	Ngân hàng	2.6	21,084.8	17.2	-1.4	0.7	0.1	31.9	1.4
7	FPT	Công nghệ thông tin	3.5	29,906.1	48.5	1.3	95.6	0.0	11.3	2.4
8	GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.6	204,409.9	106.8	1.4	71.0	45.4	18.2	4.5
9	GMD	Hàng & Dịch vụ công nghiệp	1.0	7,705.2	26.0	-0.2	7.8	0.0	4.2	1.3
10	HDB	Ngân hàng	3.0	27,958.5	28.5	-0.3	30.5	4.4	9.8	1.8
11	HPG	Tài nguyên Cơ bản	6.3	67,115.5	31.6	-0.5	59.0	9.3	7.8	1.7
12	MBB	Ngân hàng	4.0	45,438.1	21.5	0.0	59.1	0.0	7.6	1.4
13	MSN	Thực phẩm và đồ uống	7.1	102,357.2	88.0	0.2	64.2	8.6	19.2	3.5
14	MWG	Bán lẻ	3.7	36,232.4	81.8	0.1	28.1	0.0	12.2	4.0
15	NVL	Bất động sản	2.9	52,291.1	56.2	0.5	22.9	31.7	15.9	2.7
16	PNJ	Trang sức	2.1	16,566.6	99.2	0.5	24.3	0.0	16.8	4.4
17	REE	Hàng & Dịch vụ công nghiệp	0.8	9,813.1	31.7	0.0	6.5	0.0	5.5	1.1
18	ROS	Xây dựng và Vật liệu	0.8	17,851.0	31.5	-0.2	270.8	46.5	83.5	3.0
19	SAB	Thực phẩm và đồ uống	3.7	158,268.2	246.8	0.2	3.0	36.7	38.4	10.5
20	SBT	Thực phẩm và đồ uống	0.8	9,662.6	18.4	-0.5	19.2	89.1	41.2	1.7
21	SSI	Dịch vụ tài chính	1.3	13,518.5	26.6	-0.7	31.4	40.1	10.2	1.5
22	STB	Ngân hàng	3.2	21,463.5	11.9	-1.2	20.7	9.7	12.0	0.9
23	TCB	Ngân hàng	8.7	86,540.7	24.8	0.8	25.4	0.0	10.0	1.7
24	VCB	Ngân hàng	3.9	252,203.7	68.0	0.9	35.0	6.3	16.8	3.9
25	VHM	Thực phẩm và đồ uống	5.5	300,786.3	89.8	-1.3	68.8	33.7	19.9	7.0
26	VIC	Bất động sản	7.8	351,078.3	110.0	-2.7	106.9	31.8	86.6	6.2
27	VJC	Du lịch & Giải trí	4.7	61,472.9	113.5	0.2	64.0	9.3	11.5	4.4
28	VNM	Thực phẩm và đồ uống	9.6	235,090.1	135.0	-0.7	117.2	40.7	25.5	9.1
29	VPB	Ngân hàng	5.2	47,783.8	19.5	1.6	40.2	0.0	6.5	1.4
30	VRE	Bất động sản	2.6	78,248.3	33.6	-1.2	62.6	17.1	32.5	2.7

Nguồn: Bloomberg

4/17/2019

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Tư vấn Đầu tư – Công ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDIRECT. Báo cáo này không trực tiếp hoặc ngụ ý dùng để phân phối, phát hành hay sử dụng cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào là công dân hay thường trú hoặc tạm trú tại bất kỳ địa phương, lãnh thổ, quốc gia hoặc đơn vị có chủ quyền nào khác mà việc phân phối, phát hành hay sử dụng đó trái với quy định của pháp luật.

Báo cáo này được cung cấp trên cơ sở được đảm bảo tính bảo mật. Người sử dụng không được phép (i) sao chép hoặc lưu trữ dưới bất kỳ hình thức (ii) truyền tay hoặc phân phối, trực tiếp hoặc gián tiếp, từng phần hay toàn bộ báo cáo, cho bất kỳ ai mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào sự tư vấn độc lập và phù hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư cá biệt, VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

VNDIRECT TRUNG TÂM TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 – Nguyễn Thượng Hiền – Hà Nội

Điện thoại: +84 439724568

Máy lẻ: 12560

Email : Trungtamtuvandautu@vndirect.com.vn

Website: <http://vndirect.com.vn>